Tổng hợp thị trường tuần

Số liệu cập nhật đến 20/11/2026

DẤU HIỆU CỦA SỰ ĐỔ VỠ

Shinhan Securities

Chiến lược tuần

Tiêu điểm tuần

- Lũy kế 10 tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam với các nền kinh tế thành viên APEC đạt 825 tỷ USD, chiếm 82% tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với thế giới.
- Pháp lý Bất động sản: Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhất trí các dự thảo Luật Đất đai và Luật Kinh doanh Bất động sản sửa đổi đã đủ điều kiện trình Quốc hội thông qua.
- Tại cuộc họp tháng 10/2026, một số quan chức đã thảo luận về khả năng tăng lãi suất mạnh tay hơn trong tháng 12/2026.

DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN

Tên chỉ số	Giá đóng cửa	% thay đổi 1W	% thay đổi 1M	% thay đổi 3M	% thay đổi YTD	Vốn hóa (tỷ USD)
VN-Index	1,688.8	-2.6%	-0.1%	-2.6%	-5.3%	316.7
Upcom Index	119.1	-1.0%	-4.0%	-5.6%	-0.7%	24.9
HNX Index	234.6	-7.0%	-8.1%	-14.9%	-4.7%	14.9
VN30 Index	1,786.8	-3.1%	-3.1%	-5.2%	-11.9%	240.4
S&P 500 Index	n/a	-5.1%	-6.7%	-6.1%	+4.8%	64,239.6
STOXX Europe 600 Index	630.5	-3.9%	0.0%	-1.8%	+7.8%	17,729.7
Hang Seng	22,410.8	-4.7%	-5.6%	-11.7%	-12.1%	3,497.9
Nikkei 225	56,436.7	-6.8%	-11.2%	-13.9%	+13.2%	6,118.2
SHCOMP Index	3,533.8	-3.0%	-4.1%	-9.5%	-11.2%	9,091.8
STI Index	4,972.2	-4.4%	-7.4%	-11.8%	+7.7%	575.5
KOSPI Index	4,870.0	-7.2%	-10.9%	-28.3%	+16.6%	3,039.8

Nguồn: Bloomberg.

THANH KHOẢN TOÀN THỊ TRƯỜNG TRUNG BÌNH — THEO NHÓM VỐN HÓA

Giá trị giao dịch trung bình tuần

TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC	% THAY ĐỔI SO VỚI TUẦN TRƯỚC
9,661.4 tỷ VND	11,393.9 tỷ VND	-15.2% giá trị giao dịch trung bình

Nhóm vốn hóa	% thay đổi giá 1W	1M	3M	YTD	% thay đổi giá trị giao dịch 1W	1M	3M	YTD	Tỷ trọng giá trị giao dịch (%)	Định giá P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ VND)
Vốn hóa lớn Large Cap	-2.6%	-4.6%	-1.8%	-0.3%	-15.1%	-21.9%	-26.3%	-48.3%	84.2	14.8x	2.2x	7,563,134.0
Vốn hóa trung bình Mid Cap	-3.7%	-5.6%	-9.3%	-14.5%	-15.9%	-27.2%	-18.9%	-42.8%	15.1	9.2x	1.1x	522,478.4
Vốn hóa nhỏ Small Cap	-2.5%	-4.8%	-14.9%	-28.6%	-15.0%	-40.9%	-36.7%	-50.3%	0.7	9.5x	0.6x	72,783.1

Nguồn: FiinPro, Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

ĐÓNG GÓP VÀO VN-INDEX

TOP 10 NÂNG ĐỠ

MCH	+0.1	(+6.9%)
VPL	+0.0	(+2.1%)
HVN	+0.0	(+3.1%)
DMX	+0.0	(+1.3%)
POW	+0.0	(+1.9%)
MSB	+0.0	(+0.9%)
TCH	+0.0	(+3.0%)
VND	+0.0	(+1.4%)
TDM	+0.0	(+4.0%)
FRT	+0.0	(+0.7%)

TOP 10 KÉO GIẢM

VCB	-0.3	(-6.7%)
VPB	-0.2	(-7.2%)
VHM	-0.2	(-2.9%)
BID	-0.2	(-5.7%)
CTG	-0.1	(-4.4%)
FPT	-0.1	(-10.2%)
MBB	-0.1	(-4.7%)
VIC	-0.1	(-0.5%)
BSR	-0.1	(-6.9%)
TCB	-0.1	(-3.0%)

Đóng góp (điểm phần trăm) = tỷ trọng vốn hóa trong VN-Index × % thay đổi vốn hóa của cổ phiếu từ 13/11/2026 đến 20/11/2026; số trong ngoặc là % thay đổi vốn hóa của cổ phiếu trong cùng kỳ. Nguồn: Bloomberg.

DIỄN BIẾN VN-INDEX VÀ P/E — 1 NĂM GẦN NHẤT



GẦN NHẤT (20/11)	CAO NHẤT (18/05)	THẤP NHẤT (23/03)	P/E GẦN NHẤT
1,688.8	1,927.9	1,591.2	11.2x

Nguồn: Bloomberg.

GÓC NHÌN THỊ TRƯỜNG

ĐÁNH GIÁ

Thị trường đang phản ánh mạnh mẽ khả năng tăng lãi suất của FED vào tháng 12 và giảm điểm mạnh. Trong nước, mùa KQKD Q3 cũng đã đi qua và chưa thể giúp thị trường bứt phá. Theo quan sát, chúng tôi cho rằng nhà đầu tư đang e ngại nhiều biến số vĩ mô khó lường tạo áp lực lên triển vọng lợi nhuận trong tương lai, điển hình như lãi suất đang ở mức cao. Bên cạnh đó, nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn liên tục thủng các ngưỡng hỗ trợ quan trọng như VCB và FPT, gây sức ép lên tâm lý và niềm tin – là thứ cần thời gian để phục hồi.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Thị trường kết tuần tại 1,688.7 điểm (-46 điểm, -2.66%) với thanh khoản tiếp tục giảm. Hầu hết các nhóm ngành đều giảm điểm. Thị trường khả năng cao sẽ thủng vùng 1,700 điểm và về lại mốc 1,650 điểm, trong bối cảnh VCB và FPT đang trong đà giảm mạnh.

Ý TƯỞNG ĐẦU TƯ

Nhà đầu tư nên thận trọng và chỉ nên giải ngân từng phần với nhóm ngành phòng thủ, có dòng tiền và cổ tức cao. Nhà đầu tư ngắn hạn nên thận trọng, không nên mua mới và chỉ xem xét bán khi vi phạm các ngưỡng hỗ trợ.

Diễn biến nhóm ngành

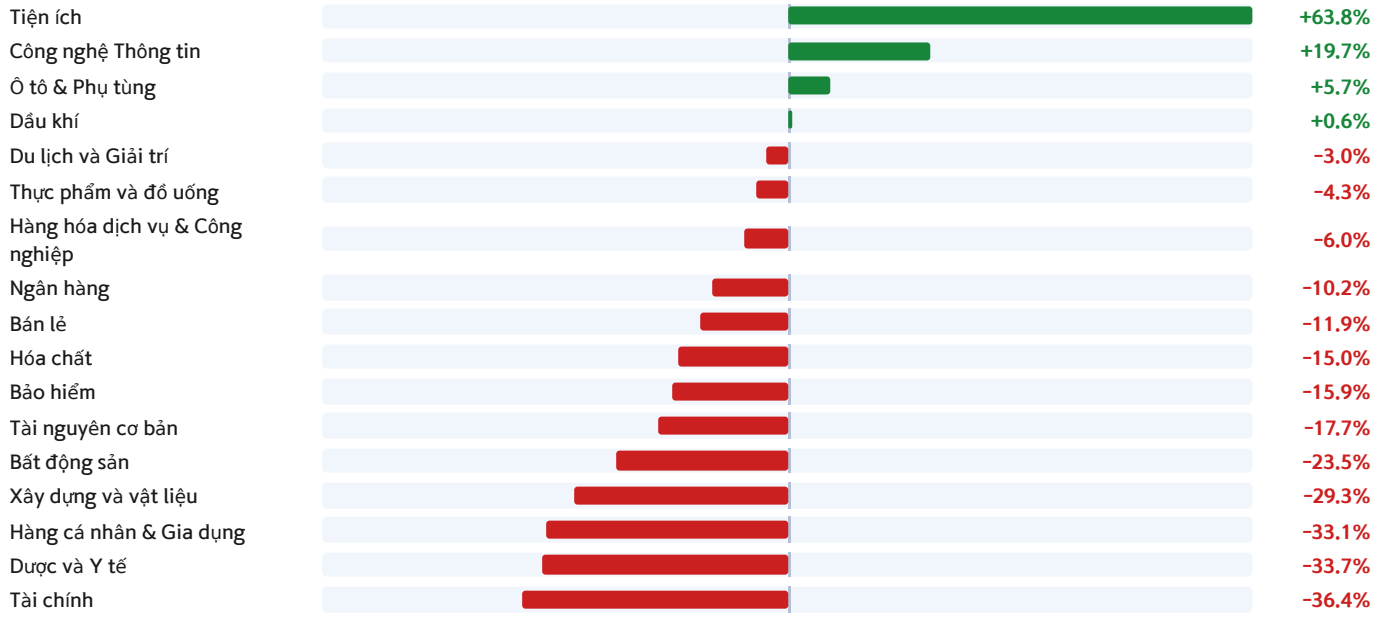
TĂNG MẠNH NHẤT (1W)	GIẢM MẠNH NHẤT (1W)	TỶ TRỌNG GIAO DỊCH LỚN NHẤT
+1.1%	-9.7%	26.7%
Du lịch và Giải trí	Công nghệ Thông tin	Ngân hàng

% THAY ĐỔI GIÁ 1W THEO NGÀNH



Nguồn: FiinPro, Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

% THAY ĐỔI GIÁ TRỊ GIAO DỊCH 1W THEO NGÀNH



Nguồn: FiinPro, Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

DIỄN BIẾN 19 NGÀNH ICB CẤP 2

Tên ngành	% thay đổi giá			% thay đổi giá trị giao dịch			Tỷ trọng giá trị giao dịch (%)	Vốn hóa (tỷ VND)
	1M	3M	YTD	1M	3M	YTD		
Du lịch và Giải trí	+9.1%	+13.9%	-5.9%	-11.1%	-6.8%	-26.0%	2.3	355,105.6
Thực phẩm và đồ uống	-6.2%	-5.5%	-16.9%	-16.9%	-21.6%	-45.4%	6.5	553,997.8
Bất động sản	-0.1%	+3.0%	+15.6%	-24.5%	-33.8%	-48.3%	17.1	2,702,171.6
Bán lẻ	-5.5%	-2.6%	-11.5%	-39.1%	-42.7%	-65.7%	2.3	153,578.9
Tiện ích	-5.8%	-11.3%	-5.1%	+63.5%	+40.6%	+3,152.7%	3.1	309,268.8
Tài chính	-3.5%	-12.6%	-12.5%	-31.4%	-25.5%	-51.1%	12.7	427,701.5
Xây dựng và vật liệu	-5.7%	-6.8%	-16.0%	-18.3%	+8.6%	-48.5%	4.1	119,570.4
Tài nguyên cơ bản	-2.2%	-6.8%	-12.0%	-30.6%	-18.6%	-50.5%	4.7	212,523.7
Hàng cá nhân & Gia dụng	-8.4%	-34.6%	-51.9%	-51.7%	-62.5%	-60.9%	1.0	28,491.6
Dược và Y tế	-8.1%	-12.7%	-21.4%	-40.8%	-64.1%	-57.5%	0.2	31,619.5
Ô tô & Phụ tùng	-7.6%	-16.9%	-11.0%	-18.1%	-6.6%	-42.8%	0.3	15,412.9
Ngân hàng	-7.9%	+0.4%	-7.2%	-26.2%	-29.8%	-49.6%	26.7	2,380,597.4
Hóa chất	-13.4%	-14.7%	-7.5%	-31.9%	-50.9%	-76.2%	1.6	176,255.1
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-11.0%	-9.5%	-24.9%	-20.1%	-14.5%	-35.6%	7.5	198,564.2
Dầu khí	-17.0%	-14.9%	+20.6%	-22.6%	-46.8%	-64.5%	2.9	173,247.2
Bảo hiểm	-13.4%	-10.1%	-2.2%	-40.0%	-46.1%	-50.1%	0.3	54,361.2
Công nghệ Thông tin	-20.0%	-29.6%	-46.9%	+22.3%	+46.5%	-13.0%	6.8	94,615.1

Sắp xếp theo % thay đổi giá 1W. Chưa có số liệu: Truyền thông, Viễn thông. Nguồn: ICB cấp 2 — FiinPro, Bloomberg.

Định giá

P/E VÀ P/B SO SÁNH QUỐC TẾ

P/E SO SÁNH QUỐC TẾ

VN-Index	11.2x
S&P 500 Index	22.4x
STOXX Europe 600 Index	15.8x
Hang Seng	11.7x
Nikkei 225	21.0x
SHCOMP Index	16.4x
KOSPI Index	1.9x

P/B SO SÁNH QUỐC TẾ

VN-Index	1.8x
S&P 500 Index	5.1x
STOXX Europe 600 Index	2.4x
Hang Seng	1.2x
Nikkei 225	2.6x
SHCOMP Index	1.4x
KOSPI Index	1.3x

Nguồn: Bloomberg.

DIỄN BIẾN P/E VÀ P/B CỦA VN-INDEX

P/E VN-Index

22/11/2019 – 20/11/2026



HIỆN TẠI (20/11)	TRUNG BÌNH	-1 ĐỘ LỆCH CHUẨN	+1 ĐỘ LỆCH CHUẨN	SO VỚI TRUNG BÌNH
11.2x	16.4x	13.3x	19.4x	-31.3%

P/B VN-Index

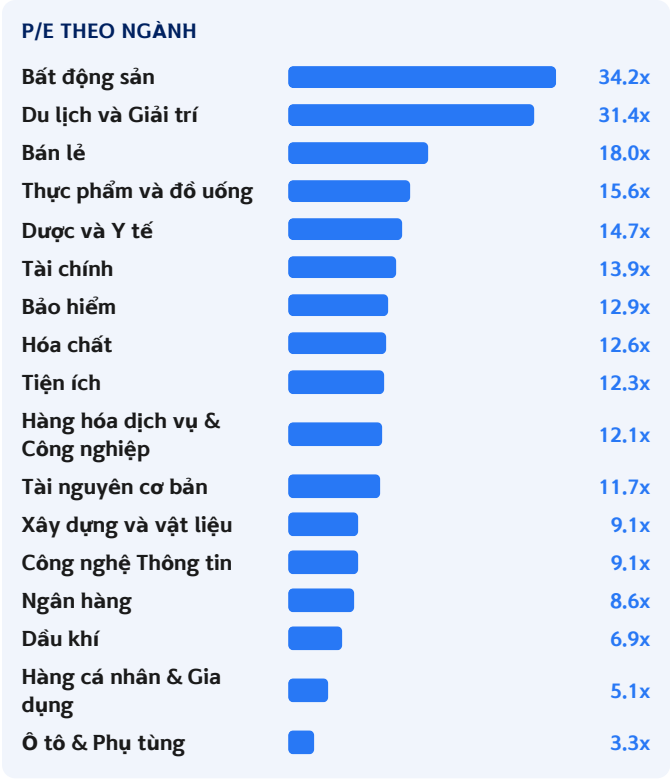
22/11/2019 – 20/11/2026



HIỆN TẠI (20/11)	TRUNG BÌNH	-1 ĐỘ LỆCH CHUẨN	+1 ĐỘ LỆCH CHUẨN	SO VỚI TRUNG BÌNH
1.8x	2.0x	1.7x	2.4x	-10.3%

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

P/E VÀ P/B THEO NHÓM NGÀNH ICB CẤP 2





Sắp xếp từ cao đến thấp. Chưa có số liệu: Truyền thông, Viễn thông. Nguồn: ICB cấp 2 — FiinPro, Bloomberg.

Dòng vốn ngoại

KHỐI NGOẠI MUA	KHỐI NGOẠI BÁN	KHỐI NGOẠI RÒNG	TỰ DOANH RÒNG
6,164.0	9,453.7	-3,292.5	-644.4
tỷ VND	tỷ VND	tỷ VND	tỷ VND

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI — TOP MUA/BÁN RÒNG (TỶ VND)

TOP 10 MUA RÒNG

MSN	+248.7
POW	+199.7
KDH	+98.0
TCH	+51.0
CTD	+47.9
DCM	+47.0
HPG	+37.1
FRT	+36.4
NKG	+31.8
NT2	+30.3

TOP 10 BÁN RÒNG

FPT	-965.0
VCB	-319.7
ACB	-311.5
MBB	-249.3
HDB	-246.6
VIX	-175.9
SHB	-146.2
BID	-127.6
GEX	-125.0
VIC	-119.9

GIAO DỊCH TỰ DOANH — TOP MUA/BÁN RÒNG (TỶ VND)

TOP 10 MUA RÒNG

POW	+266.1
CTG	+40.7
MBB	+32.2
PVT	+21.4
FPT	+19.9
VRE	+18.3
MWG	+16.5
FRT	+14.6
SSI	+9.7
VIC	+7.2

TOP 10 BÁN RÒNG

GMD	-284.8
REE	-124.5
ACB	-93.3
NLG	-77.7
CTD	-57.9
TCB	-52.6
VHM	-41.5
VJC	-39.6
VCB	-38.8
E1VFVN30	-37.0

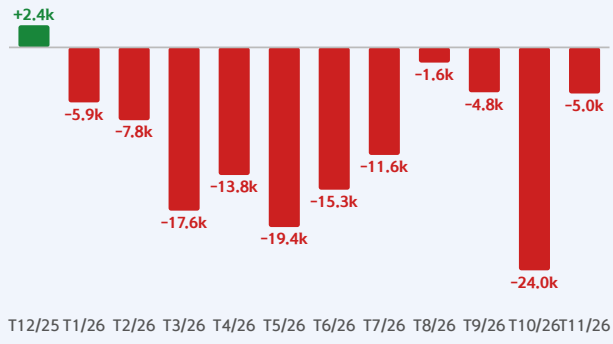
MUA/BÁN RÒNG THEO NGÀNH — TỰ DOANH VÀ NƯỚC NGOÀI (TỶ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh	Khối ngoại
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	+116.7	+241.0
Thực phẩm và đồ uống	-42.3	+199.8
Bán lẻ	+16.6	+62.0
Tài nguyên Cơ bản	-1.8	+33.8
Hóa chất	+0.9	+29.2
Bảo hiểm	+0.0	+8.0
Y tế	+0.0	+2.4
Truyền thông	+0.0	-0.0
Ô tô và phụ tùng	+0.2	-2.0
Hàng cá nhân & Gia dụng	-28.3	-12.4
Xây dựng và Vật liệu	-51.8	-27.8
Du lịch và Giải trí	-42.2	-43.7
Dầu khí	-1.4	-108.0
Bất động sản	-126.5	-232.4
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-264.1	-268.8
Dịch vụ tài chính	-41.5	-324.9
Công nghệ Thông tin	+20.3	-971.1
Ngân hàng	-199.3	-1,877.5
Tổng	**-644.4**	**-3,292.5**

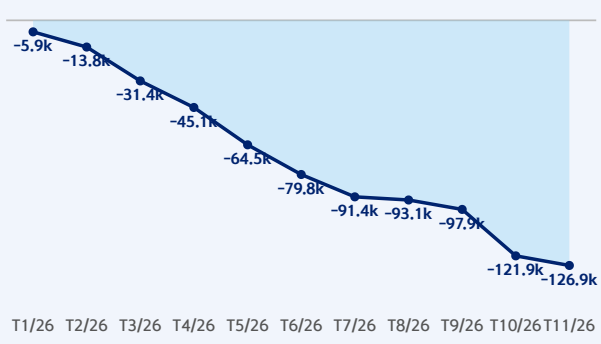
Sắp xếp theo giá trị mua/bán ròng của khối ngoại. Không bao gồm giao dịch thỏa thuận. Nguồn: FiinPro, Shinhan Securities Vietnam.

DÒNG VỐN NGOẠI THEO THÁNG (TỶ VND)

MUA/BÁN RÒNG THEO THÁNG



LŨY KẾ YTD 2026



Tháng 11/2026: từ 02/11/2026 đến 20/11/2026. k = nghìn tỷ VND. Nguồn: FiinPro.

ETF

TỔNG TÀI SẢN ETF	DÒNG VỐN RÒNG 1W	DÒNG VỐN RÒNG 1M	DÒNG VỐN RÒNG 3M
2,211.0	-17.7	-47.2	+1.1
triệu USD	triệu USD	triệu USD	triệu USD

DÒNG VỐN NGOẠI THEO QUỐC GIA (TRIỆU USD)

Quốc gia	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n/a	-44,748.7	-127,585.8	+38,472.1
Ấn Độ	+2,681.8	+11,744.9	+9,576.0	-18,685.5
Indonesia	-91.0	-74.7	-1,010.3	-5,676.0
Nhật Bản*	-1,403.2	-2,067.0	+48,338.5	+97,662.3
Malaysia	-32.1	-4.9	-216.1	-1,742.8
Hàn Quốc	-3,940.7	-12,065.6	-25,675.1	-153,323.8
Sri Lanka	+2.8	-3.5	-8.4	-185.8
Đài Loan	-5,981.9	-24,561.8	-56,337.1	-93,268.4
Thái Lan	-68.6	-114.4	-311.2	+502.6
Việt Nam	-95.5	-158.1	-1,073.1	-4,707.3

** Trung Quốc: số liệu có độ trễ 1 quý; Nhật Bản: số liệu có độ trễ 1 tuần. Nguồn: Bloomberg.*

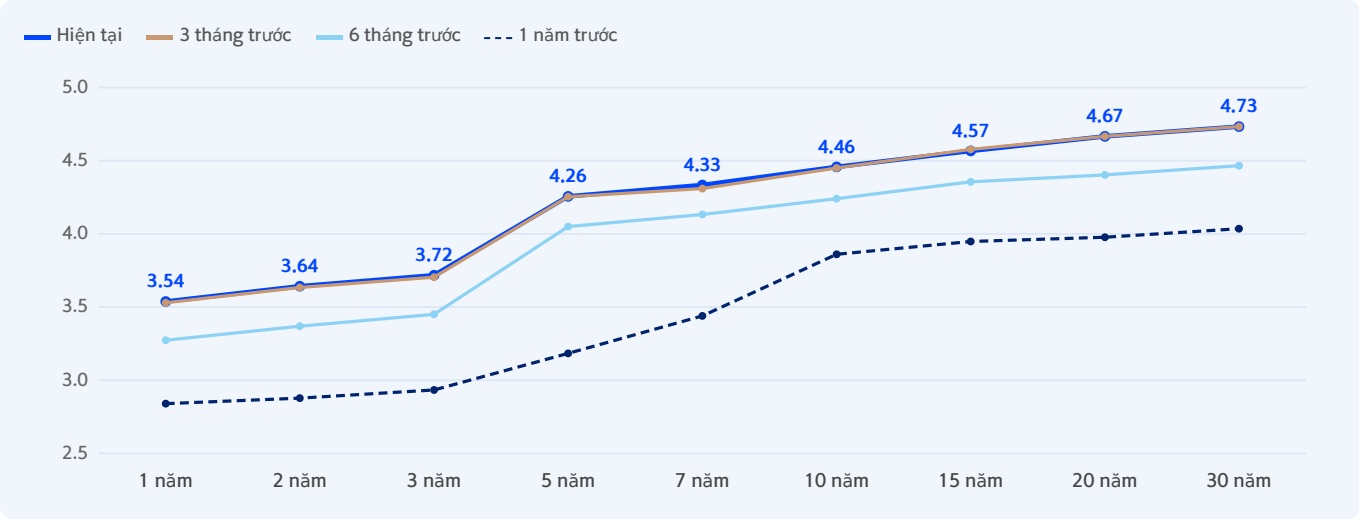
DÒNG VỐN RÒNG VÀO ETF VIỆT NAM (TRIỆU USD)

Tên ETF	Tài sản (triệu USD)	Dòng vốn ròng (triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**2,211.0**	**-17.7**	**-47.2**	**+1.1**	**-223.7**
Nước ngoài	**1,524.5**	**-17.9**	**-55.6**	**+0.9**	**-206.8**
VanEck Vectors Vietnam ETF	429.2	-8.4	-34.3	-50.5	-103.3
Fubon FTSE Vietnam ETF	303.1	-5.8	-16.1	-26.1	-143.3
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	187.9	0.0	0.0	0.0	0.0
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	333.3	-3.7	-5.3	-17.4	-11.7
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	254.0	0.0	0.0	+94.9	+52.8
Premia MSCI Vietnam ETF	4.9	0.0	0.0	0.0	-1.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2.4	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	9.8	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**686.5**	**+0.2**	**+8.4**	**+0.2**	**-16.9**
DCVFMVN Diamond ETF	379.7	-0.7	+0.4	-6.9	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	219.0	+1.0	+4.6	+3.9	-14.2
SSIAM VNFIN LEAD ETF	24.6	-0.1	+2.3	+3.3	+6.0
MAFN VN30 ETF	17.8	0.0	-1.3	-3.5	-15.1
SSIAM VNX50 ETF	9.6	0.0	+2.4	+2.4	+4.2
VinaCapital VN100 ETF	26.5	0.0	0.0	+0.8	+0.8
SSIAM VN30 ETF	9.4	0.0	0.0	+0.3	+1.3

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

Số liệu vĩ mô

ĐƯỜNG CONG LÃI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ VIỆT NAM (%)



Kỳ hạn	1 năm	2 năm	3 năm	5 năm	7 năm	10 năm	15 năm	20 năm	30 năm
Hiện tại	**3.54**	**3.64**	**3.72**	**4.26**	**4.33**	**4.46**	**4.57**	**4.67**	**4.73**
Tuần trước	3.54	3.64	3.72	4.27	4.34	4.46	4.57	4.67	4.73
3 tháng trước	3.53	3.63	3.70	4.25	4.31	4.45	4.58	4.67	4.73
6 tháng trước	3.27	3.37	3.45	4.05	4.13	4.24	4.36	4.40	4.47
1 năm trước	2.84	2.88	2.93	3.18	3.44	3.86	3.95	3.98	4.04
Thay đổi so với tuần trước (điểm cơ bản)	0.0	0.0	0.0	**-1.0**	**-0.2**	**-0.5**	0.0	0.0	0.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

TỶ GIÁ

Cặp	Giá	1W	1M	3M	YTD
Chỉ số đô la Mỹ	103.9	**+0.4%**	**+2.1%**	**+5.0%**	**+5.6%**
VND/USD	25,773.0	**+0.3%**	**-0.4%**	**-1.3%**	**-2.0%**
KRW/USD	1,338.0	**+0.1%**	**+0.9%**	**-4.0%**	**-7.1%**
JPY/USD	159.3	**-0.3%**	**+0.7%**	**+0.2%**	**+1.6%**
EUR/USD	0.9	**+0.6%**	**+2.5%**	**+6.5%**	**+7.1%**
SGD/USD	1.3	**+0.3%**	**+1.1%**	**+1.5%**	**+0.5%**
CNY/USD	6.7	0.0%	**-0.1%**	**-0.8%**	**-4.5%**

Giá: số đơn vị ngoại tệ trên 1 USD. Nguồn: Bloomberg.

HÀNG HÓA

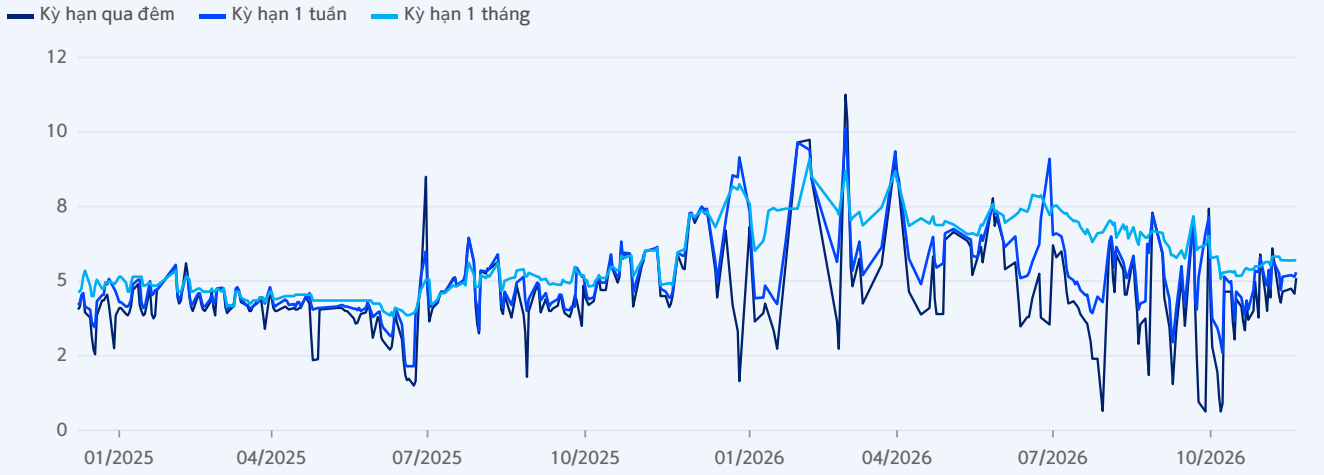
Mặt hàng	Giá	1W	1M	3M	YTD
Dầu thô	83.4	**-5.8%**	**-18.1%**	**-5.0%**	**+45.2%**
Xăng	249.8	**-4.7%**	**-19.9%**	**-23.4%**	**+46.5%**
Gas	3.2	**+0.4%**	**+9.4%**	**+18.7%**	**-12.0%**
Than	145.0	**-0.2%**	**-3.8%**	**+11.7%**	**+34.8%**
Vàng	3,588.6	**-7.6%**	**-13.0%**	**-20.5%**	**-16.9%**
Bạc	41.8	**-14.2%**	**-27.8%**	**-38.5%**	**-41.6%**
Platinum	1,316.1	**-11.9%**	**-20.6%**	**-28.3%**	**-36.1%**
Quặng sắt	90.9	**-0.8%**	**-0.1%**	**-4.5%**	**-15.2%**
Thép cán	3,142.0	**-1.5%**	**-4.0%**	**-4.2%**	**-3.9%**
Lúa mì	578.0	**-2.6%**	**-10.1%**	**-15.3%**	**+14.0%**
Ngô	438.0	**-1.7%**	**-5.2%**	**-8.5%**	**-0.5%**

Giá: USD (trừ khi nguồn ghi khác). n/a: Bloomberg không trả dữ liệu. Nguồn: Bloomberg.

LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG (%/NĂM)

Lãi suất liên ngân hàng theo kỳ hạn

09/12/2024 – 20/11/2026



Kỳ hạn	Hiện tại (20/11)	Tuần trước (12/11)	Tháng trước (21/10)	Thay đổi so với tuần trước (điểm %)
Qua đêm	5.10	4.65	3.35	**+0.45**
1 tuần	5.30	5.15	3.85	**+0.15**
1 tháng	5.69	5.70	5.40	**-0.01**

Ngày so sánh là phiên gần nhất có số liệu. Nguồn: Bloomberg.

Độ rộng thị trường

RSI DƯỚI 30 (BÁN QUÁ MỨC)

6

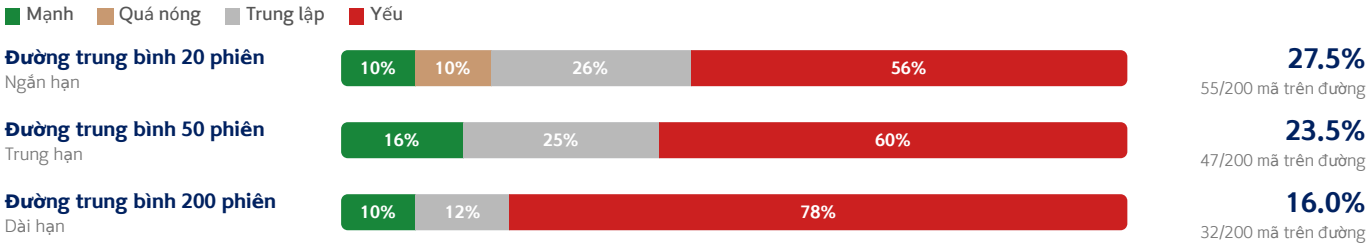
3.0% số mã

RSI TRÊN 70 (MUA QUÁ MỨC)

15

7.5% số mã

TỶ LỆ CỔ PHIẾU TRÊN CÁC ĐƯỜNG TRUNG BÌNH ĐỘNG — 200 CỔ PHIẾU



Số % trong cột phải: tỷ lệ cổ phiếu có giá đóng cửa cao hơn đường trung bình. Ngưỡng xếp loại theo khoảng cách giữa giá và đường trung bình: Yếu: thấp hơn đường trung bình trên 3%; Trung lập: lệch trong khoảng ±3%; Mạnh: cao hơn từ 3% đến 8%; Quá nóng: cao hơn trên 8% (chỉ áp dụng cho đường 20 phiên). Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

XU HƯỚNG THEO NHÓM NGÀNH

NGÂN HÀNG (18)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	48.9	Trung lập	Yếu
MBB	53.7	Yếu	Yếu
HDB	58.4	Trung lập	Trung lập
VPB	63.9	Yếu	Yếu
MSB	75.7	Quá nóng	Mạnh
TCB	64.6	Yếu	Yếu
EIB	74.1	Yếu	Yếu
ACB	53.8	Yếu	Yếu
TPB	67.5	Trung lập	Trung lập
STB	50.9	Mạnh	Yếu
CTG	60.1	Trung lập	Trung lập
VIB	64.4	Trung lập	Trung lập
SSB	45.6	Yếu	Yếu
VCB	47.0	Yếu	Yếu
NAB	60.3	Mạnh	Mạnh
OCB	73.6	Trung lập	Trung lập
BID	47.3	Yếu	Yếu
LPB	48.4	Yếu	Yếu

BẤT ĐỘNG SẢN (18)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
DXG	56.4	Quá nóng	Mạnh
NVL	38.5	Yếu	Yếu
DIG	60.6	Mạnh	Trung lập
VRE	60.4	Trung lập	Yếu
PDR	67.2	Trung lập	Yếu
VIC	58.7	Mạnh	Mạnh
KDH	66.1	Quá nóng	Mạnh
VHM	47.3	Yếu	Yếu
TCH	64.5	Quá nóng	Mạnh
KBC	68.8	Trung lập	Trung lập
HDG	54.4	Quá nóng	Mạnh
HDC	71.9	Quá nóng	Mạnh
NLG	65.3	Mạnh	Trung lập
DXS	50.9	Yếu	Yếu
NTL	57.7	Mạnh	Trung lập
SIP	59.0	Yếu	Yếu
SZC	74.2	Mạnh	Mạnh
BCM	62.1	Yếu	Yếu

BẢO HIỂM VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH (17)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
BVH	42.2	Yếu	Yếu
BMI	55.8	Yếu	Yếu
BIC	28.6	Yếu	Yếu
VIX	57.5	Mạnh	Trung lập
SSI	51.2	Trung lập	Yếu
VND	47.2	Mạnh	Trung lập
VCI	52.5	Trung lập	Yếu
HCM	49.1	Trung lập	Yếu
TCX	52.7	Trung lập	Yếu
ORS	85.6	Trung lập	Trung lập
VDS	56.1	Mạnh	Trung lập
FTS	51.6	Trung lập	Yếu
CTS	60.5	Quá nóng	Mạnh
BSI	57.8	Mạnh	Trung lập
TCI	34.1	Yếu	Yếu
TVB	43.8	Trung lập	Yếu
DSE	33.7	Yếu	Yếu

TÀI NGUYÊN CƠ BẢN VÀ XÂY DỰNG VẬT LIỆU (16)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
HPG	56.0	Trung lập	Trung lập
NKG	77.6	Quá nóng	Mạnh
HSG	69.6	Trung lập	Trung lập
SMC	54.3	Yếu	Yếu
CII	66.2	Mạnh	Trung lập
HHV	59.9	Trung lập	Trung lập
VCG	68.6	Trung lập	Trung lập
PC1	51.6	Yếu	Yếu
FCN	54.4	Trung lập	Trung lập
VGC	57.5	Yếu	Yếu
DPG	73.6	Quá nóng	Mạnh
CTD	69.2	Quá nóng	Mạnh
CTR	40.2	Yếu	Yếu
HT1	73.0	Yếu	Trung lập
CTI	63.2	Quá nóng	Mạnh
BMP	38.4	Yếu	Yếu

HÀNG & DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP VÀ HÀNG CÁ NHÂN & GIA DỤNG (17)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
GEX	57.9	Yếu	Yếu
VSC	72.1	Trung lập	Yếu
PVT	50.3	Yếu	Yếu
GMD	68.6	Yếu	Trung lập
HAH	58.7	Yếu	Yếu
GEE	58.8	Yếu	Yếu
VOS	53.2	Yếu	Yếu
APH	55.5	Yếu	Trung lập
VTP	50.4	Yếu	Yếu
SBG	59.4	Trung lập	Mạnh
REE	50.3	Mạnh	Mạnh
PAC	56.8	Yếu	Yếu
TV2	55.4	Quá nóng	Mạnh
TCM	53.1	Trung lập	Yếu
TLG	57.9	Yếu	Trung lập
PNJ	25.1	Yếu	Yếu
MSH	81.0	Mạnh	Mạnh

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ BÁN LẺ (8)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	31.4	Yếu	Yếu
SAM	38.4	Trung lập	Trung lập
ELC	36.8	Yếu	Yếu
CMG	34.5	Yếu	Yếu
MWG	55.9	Yếu	Trung lập
DGW	53.3	Yếu	Yếu
PET	73.4	Yếu	Mạnh
FRT	59.9	Trung lập	Mạnh

DẦU KHÍ & ĐIỆN NƯỚC VÀ TIỆN ÍCH (8)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
PVD	57.5	Yếu	Yếu
BSR	47.0	Yếu	Yếu
PLX	47.2	Yếu	Yếu
POW	48.2	Quá nóng	Mạnh
NT2	71.8	Trung lập	Mạnh
GAS	45.0	Yếu	Yếu
GEG	57.8	Trung lập	Yếu
PPC	52.8	Yếu	Yếu

THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (8)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
MSN	62.4	Yếu	Trung lập
VNM	42.1	Yếu	Yếu
DBC	64.4	Mạnh	Mạnh
BAF	55.0	Mạnh	Trung lập
SAB	47.8	Trung lập	Trung lập
ANV	63.8	Yếu	Yếu
VHC	57.3	Trung lập	Trung lập
MCH	52.0	Yếu	Yếu

TRUYỀN THÔNG VÀ Y TẾ (5)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
YEG	50.4	Yếu	Yếu
DCL	55.7	Yếu	Yếu
DBD	48.7	Yếu	Yếu
TNH	65.7	Yếu	Yếu
JVC	51.3	Yếu	Yếu

DU LỊCH & GIẢI TRÍ VÀ Ô TÔ PHỤ TÙNG (7)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
VPL	64.9	Quá nóng	Mạnh
VJC	53.8	Mạnh	Mạnh
HVN	53.2	Quá nóng	Mạnh
SCS	36.6	Yếu	Yếu
VNG	39.6	Yếu	Yếu
HAX	50.9	Yếu	Yếu
DRC	38.3	Yếu	Yếu

RSI: chỉ số sức mạnh tương đối. Ngắn hạn: so với đường trung bình 20 phiên; Trung hạn: so với đường 50 phiên. Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

Danh sách theo dõi

DANH SÁCH THEO DÕI TIỀM NĂNG

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	**HPG**	20.4	22.5	NA	**+10.0%**	KQKD vẫn duy trì đà tăng tốt, thanh khoản và giá cải thiện đáng kể trên MA 50
2	**DPG**	32.2	NA	NA	NA	KQKD Quý III/2026: doanh thu thuần 1,854 tỷ đồng (tăng 57%), lợi nhuận sau thuế 105 tỷ đồng (tăng 26%). Đà tăng mạnh của cổ phiếu xác nhận xu hướng khỏe uptrend của DPG. Nếu có nhịp điều chỉnh phù hợp có thể tham gia
3	**Nhóm BDS: KDH NLG TCH PDR...**	NA	NA	NA	NA	Định giá thấp, được hưởng lợi trước các thông tin hạ lãi suất, và NHNN thực hiện hoán đổi ngoại tệ kỳ hạn 6 tháng, quy mô 2 tỷ USD. Dòng tiền tham gia mạnh mẽ và lan tỏa rõ rệt tại nhóm này

NA: chưa có số liệu. Nguồn: FiinPro, Shinhan Securities Vietnam.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU RỦI RO CAO NÊN TRÁNH

STT	Ngành	Cổ phiếu	Ghi chú
1	Hàng cá nhân & gia dụng	**PNJ**	PNJ đang có cú shock về cả KQKD và niềm tin của thị trường. Cổ phiếu giảm sàn liên tục và việc tham gia là rất rủi ro. Quý 3/2026 lỗ sau thuế gần 258 tỷ đồng (cùng kỳ lãi 496 tỷ đồng), doanh thu giảm 14%, biên lợi nhuận gộp giảm từ 19.8% xuống 8.7%
2	Công nghệ	**FPT**	Cổ phiếu thủng đáy, tăng trưởng KQKD đã chậm lại rõ rệt so với nền 18-22%/năm giai đoạn 2021-2024, và áp lực bán ròng của khối ngoại cộng với nguồn cung mới từ ESOP và cổ phiếu thưởng vẫn là lực cản ngắn hạn. Rủi ro còn lại là áp lực bán của khối ngoại: một phiên mua ròng chưa đủ để đảo xu hướng sau 10 tháng bán ròng, nên nhịp hồi cần thêm thời gian xác nhận.

Nguồn: FiinPro, Shinhan Securities Vietnam.

Mạng lưới Shinhan Investment

MẠNG LƯỚI SHINHAN INVESTMENT

SEOUL

Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
18th Floor, The Mett Tower, 15 Tran Bach Dang Street, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Copy @ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.

Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Analyst: Nam Hoang, CFA · Research Labs · Shinhan Securities Vietnam · (84-28) 6288-7000 - Ext: 7603

Báo cáo này được thực hiện bởi Phòng Phân tích — Công ty Chứng khoán Shinhan Việt Nam, được cấp phép bởi UBCKNN Việt Nam.
Thông tin chỉ mang tính tham khảo, không phải khuyến nghị mua/bán. Quyết định đầu tư cuối cùng thuộc về nhà đầu tư.